

Tăng tỷ trọng

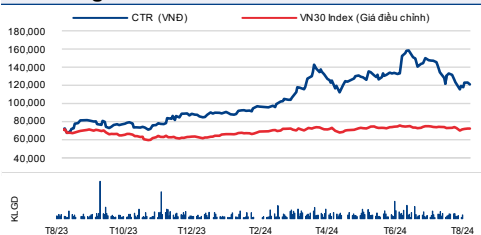
Giá mục tiêu: VNĐ145,000

Tiềm năng tăng/giảm: 19.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/8/2024)	121,000
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	67,530-160,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	121,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	13,841
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	553
Sig CP lưu hành (tr.đv)	114
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Sig CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	11,299	13,389	15,507
EBITDA đc (tỷ đồng)	893	1,050	1,530
LNTT (tỷ đồng)	645	674	838
LNT ĐC (tỷ đồng)	389	407	506
FCF (tỷ đồng)	91.1	(1,305)	(631)
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,558	4,425
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200
BVPS (đồng)	17,404	19,961	23,186
T.trưởng EBITDA (%)	15.4	17.6	45.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.61	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	7.84	9.86
Tỷ suất LNTT (%)	5.71	5.03	5.40
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.57	4.03	4.32
Tỷ lệ LN trả CT (%)	80.0	28.1	27.1
Nợ thuần/VCSH (%)	71.2	130	146
ROAE (%)	28.5	25.2	27.2
ROACE (%)	29.5	25.7	25.0
EV/doanh thu (lần)	1.20	1.14	1.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.2	14.5	10.6
P/E ĐC (lần)	35.6	34.0	27.3
P/B (lần)	6.95	6.06	5.22
Lợi suất cổ tức (%)	2.25	0.83	0.99

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 7/2024: Tăng trưởng khiêm tốn, TowerCo đúng tiến độ

- CTR báo cáo KQKD tháng 7/2024 với doanh thu và LNTT đạt lần lượt 1.126 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và 58 tỷ đồng (tăng 1% so với cùng kỳ). Tỷ suất LNTT giảm là do chi phí khấu hao và lỗ tài chính tăng.
- Trong tháng 7, CTR lắp đặt thêm 412 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS tính đến cuối tháng báo cáo lên 8.221 trạm, đúng tiến độ cho mục tiêu 10.000 trạm vào cuối năm nay.
- Lũy kế 7 tháng đầu năm 2024, doanh thu và LNTT đạt lần lượt 6.777 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và 363 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). Kết quả này sát với dự báo của HSC, hoàn thành lần lượt 51% và 54% dự báo doanh thu là lợi nhuận cho cả năm 2024.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với CTR và giữ nguyên giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 19,8%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024

Doanh thu và LNTT trong tháng 7/2024 tăng lần lượt 11% và 1% so với cùng kỳ đạt 1.126 tỷ đồng và 58 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu và LNTT trong 7 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 11% và 4% so với cùng kỳ đạt 6.777 tỷ đồng và 363 tỷ đồng.

Các kết quả trên sát với dự báo của chúng tôi, hoàn thành lần lượt 51% và 54% dự báo doanh thu là lợi nhuận cho cả năm 2024. Mảng cho thuê hạ tầng và mảng xây dựng là động lực tăng trưởng doanh thu. Chi tiết như sau:

- Doanh thu mảng cho thuê hạ tầng tăng 48% so với cùng kỳ trong tháng 7 đạt 53 tỷ đồng và tăng 40% so với cùng kỳ trong 7 tháng đầu năm 2024 đạt 336 tỷ đồng, nhờ phân khúc towerco đẩy nhanh tiến độ lắp đặt trạm BTS. Trong tháng 7/2024, CTR lắp đặt thêm 412 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS tính đến cuối tháng báo cáo lên 8.221 trạm (cao hơn 1.785 trạm so với thời điểm cuối năm 2023). Kết quả trên, CTR đã củng cố vững chắc hơn nữa vị thế là một towerco hàng đầu Việt Nam và đạt tiến độ cho kế hoạch 10.000 trạm vào cuối năm nay. Hiện tổng số trạm BTS là 270, dẫn đến tỷ lệ dùng chung trạm ở mức 1,03 lần, không đổi so với năm ngoái.
- Doanh thu mảng xây dựng tăng 16% so với cùng kỳ trong tháng 7 lên 380 tỷ đồng và tăng 34% trong 7 tháng đầu năm 2024 lên 2.111 tỷ đồng, dẫn dắt bởi phân khúc xây dựng dân dụng.
- Doanh thu mảng vận hành tăng 17% so với cùng kỳ trong tháng 7 lên 538 tỷ đồng và tăng 4% trong 7 tháng đầu năm 2024 lên 3.418 tỷ đồng.
- Trong khi đó, doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật giảm 19% so với cùng kỳ trong tháng 7 đạt 153 tỷ đồng, nhưng tăng 21% so với cùng kỳ trong 7 tháng đầu năm đạt 871 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 7/2024 & 7 tháng đầu năm 2024, CTR

LNTT tháng 7/2024 chỉ tăng 1% so với cùng kỳ và đạt 58 tỷ đồng với doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	T7/23	T7/24	% sv cùng kỳ	7T2023	7T2024	% sv cùng kỳ	% đạt dự báo
Doanh thu	1,018	1,126	10.6%	6,112	6,777	10.9%	50.6%
LNTT	57	58	1.0%	348	363	4.3%	53.9%
Tỷ suất LNTT	5.6%	5.1%		5.7%	5.4%		

Nguồn: CTR, HSC

Mặc dù Công ty không cung cấp thông tin chi tiết, chúng tôi nghi ngờ rằng sự sụt giảm tỷ suất LNTT (5,1% trong tháng 7/2024 và 5,4% trong 7 tháng đầu năm 2024, so với 5,6% trong tháng 7/2023 và 5,7% trong 7 tháng đầu năm 2023) là do chi phí khấu hao và lỗ tài chính tăng.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giữ nguyên giá mục tiêu

HSC giữ nguyên dự báo KQKD, với lợi nhuận thuần kỳ vọng tăng trưởng 4% trong năm nay (đạt 539 tỷ đồng), sau đó tăng trưởng mạnh 24% trong năm 2025 và 2026 (đạt lần lượt 670 tỷ đồng và 832 tỷ đồng).

Trong khi đó, EBITDA được dự báo tăng trưởng 15% trong năm nay (đạt 1.014 tỷ đồng), sau đó tăng trưởng mạnh 48% trong năm 2025 (đạt 1.500 tỷ đồng) và tăng 32% trong năm 2026 (đạt 1.981 tỷ đồng) nhờ các khoản đầu tư vào mảng cho thuê hạ tầng mang lại lợi nhuận.

Dự báo hiện tại của chúng tôi cho thấy, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA dự phóng năm 2024, 2025, và 2026 lần lượt là 17,3 lần, 11,4 lần, và 8,6 lần. Với định giá năm 2025 và 2026, cổ phiếu giao dịch thấp hơn các công ty cùng ngành trên toàn cầu nhờ EBITDA của CTR tăng mạnh. Cổ phiếu cũng có EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 13,1 lần, cao hơn bình quân quá khứ ở mức 10,8 lần. Điều này không quá ngạc nhiên vì cổ phiếu xứng đáng được định giá lại ở mặt bằng cao hơn trong quá trình chuyển đổi từ nhà thầu sang một towerco.

HSC vẫn ưa thích CTR vì đây là một towerco hàng đầu Việt Nam và đối tượng hưởng lợi lớn nhất từ chủ trương thương mại hóa mạng 5G. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với CTR và giữ nguyên giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 19,8%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, CTR

Mảng cho thuê hạ tầng & xây dựng dẫn dắt tăng trưởng doanh thu

Tỷ đồng	T7/23	T7/24	% sv cùng kỳ	T7/2023	T7/2024	% sv cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,018	1,126	10.6%	6,112	6,777	10.9%
Vận hành	461	538	16.6%	3,284	3,418	4.1%
Xây dựng	329	380	15.5%	1,579	2,111	33.7%
Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật	190	153	-19.3%	722	871	20.7%
Cho thuê hạ tầng	36	53	47.6%	239	336	40.4%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Xây dựng trạm BTS, CTR

CTR đã bổ sung thêm 412 trạm BTS trong tháng 7/2024 và dự kiến sẽ thêm tổng cộng 4.000 trạm trong năm nay

Đơn vị	T1/24	T2/24	T3/24	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24
Tổng số lượng trạm BTS	6,436	6,436	6,589	6,989	7,393	7,809	8,221
Tổng số lượng trạm BTS mới	-	-	153	400	404	416	412
Tổng số lượng trạm BTS mới từ đầu năm	-	-	-	553	957	1,373	1,785
Số trạm dùng chung	213	218	226	230	240	255	270
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	9,467	11,299	13,389	15,507	17,809
Lợi nhuận gộp	757	886	1,023	1,259	1,538
Chi phí BH&QL	(189)	(249)	(295)	(342)	(392)
Thu nhập khác	1.10	2.82	0	0	0
Chi phí khác	(1.26)	(4.96)	(5.88)	(6.81)	(7.82)
EBIT	567	635	723	911	1,138
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	570	645	674	838	1,040
Chi phí thuế TNDN	(113)	(129)	(135)	(168)	(208)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.03	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	457	517	539	670	832
Lợi nhuận thuần ĐC	390	389	407	506	628
EBITDA ĐC	774	893	1,050	1,530	2,011
EPS (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
EPS ĐC (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
DPS (đồng)	2,919	2,720	1,000	1,200	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Đầu tư ngắn hạn	1,222	1,000	803	620	712
Phải thu khách hàng	2,472	2,945	3,481	3,954	4,452
Hàng tồn kho	819	783	1,071	1,163	1,247
Các tài sản ngắn hạn khác	84.5	81.1	93.7	101	107
Tổng tài sản ngắn hạn	5,010	5,627	5,539	5,816	6,511
TSCĐ hữu hình	374	285	186	85.3	(18.7)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	563	829	2,220	3,322	3,374
Đầu tư dài hạn	93.6	152	152	152	152
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.6	35.7	42.2	48.9	56.2
Tổng tài sản dài hạn	1,050	1,302	2,601	3,609	3,564
Tổng cộng tài sản	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
Nợ ngắn hạn	1,197	1,191	1,339	1,551	1,425
Phải trả người bán	519	594	723	853	997
Nợ ngắn hạn khác	1,916	1,926	1,896	1,896	1,896
Tổng nợ ngắn hạn	4,140	4,541	4,910	5,375	5,528
Nợ dài hạn	269	383	946	1,397	1,438
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.2	14.7	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	283	398	946	1,397	1,438
Tổng nợ phải trả	4,423	4,938	5,856	6,772	6,966
Vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.05	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
BVPS (đ)	14,312	17,404	19,961	23,186	27,176
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,052	756	2,196	2,971	2,869

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	567	635	723	911	1,138
Khấu hao	(206)	(258)	(328)	(619)	(873)
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Thuế TNDN đã nộp	(108)	(57.7)	(135)	(168)	(208)
Thay đổi vốn lưu động	(538)	(200)	(573)	(311)	(302)
Khác	(7.05)	127	31.0	17.3	(299)
LCT thuần từ HKKD	72.2	575	315	989	1,100
Đầu tư TS dài hạn	(407)	(483)	(1,620)	(1,620)	(820)
Góp vốn & đầu tư	(1,652)	(1,549)	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	539	1,874	(6.59)	(6.68)	(7.26)
LCT thuần từ HĐĐT	(1,520)	(159)	(1,627)	(1,627)	(827)
Cổ tức trả cho CSH	(91.9)	(120)	(114)	(137)	(172)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,285	108	712	663	(85.4)
Khác	0	0	(14.7)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,194	(11.8)	583	525	(257)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	668	414	818	89.3	(22.7)
LCT thuần trong kỳ	(254)	404	(729)	(112)	15.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.12)	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Dòng tiền tự do	(334)	91.1	(1,305)	(631)	280

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.99	7.84	7.64	8.12	8.64
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.17	7.90	7.84	9.86	11.3
Tỷ suất LNT (%)	4.83	4.57	4.03	4.32	4.67
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	20.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.1	19.4	18.5	15.8	14.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	15.4	17.6	45.6	31.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng DPS (%)	192	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	85.6	80.0	28.1	27.1	27.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	31.0	28.5	25.2	27.2	28.9
ROACE (%)	33.4	29.5	25.7	25.0	26.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.89	1.74	1.78	1.77	1.83
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.13	0.91	0.44	1.09	0.97
Số ngày tồn kho	34.3	27.5	31.6	29.8	28.0
Số ngày phải thu	104	103	103	101	99.9
Số ngày phải trả	21.7	20.8	21.3	21.8	22.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	89.0	71.2	130	146	126
Nợ/tài sản (%)	30.9	32.2	37.7	40.9	38.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	14.8	12.5	11.6
Nợ/EBITDA (lần)	2.42	2.50	2.92	2.52	1.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.21	1.24	1.13	1.08	1.18
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.44	1.20	1.14	1.04	0.90
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.7	15.2	14.5	10.6	7.96
P/E (lần)	35.5	35.6	34.0	27.3	22.0
P/E ĐC (lần)	35.5	35.6	34.0	27.3	22.0
P/B (lần)	8.45	6.95	6.06	5.22	4.45
Lợi suất cổ tức (%)	2.41	2.25	0.83	0.99	1.24

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn